

-(으)ㄹ락 말락 하다

sắp... mà chưa, chỉ vừa đủ

Một điều đang lơ lửng ngay tại ngưỡng — gần như xảy ra, nhưng chưa hẳn. Cặp ㄹ락 đặt hai trạng thái đối lập với nhau và để sự việc treo lơ lửng ở giữa.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄹ락 말락	들리다 → 들릴락 말락
Kết thúc bằng phụ âm	-을락 말락	당다 → 당을락 말락
Kết thúc bằng ㄷ	không thêm gì	만들다 → 만들락 말락
Thường theo sau là	하다	당을락 말락 했다
Trước danh từ	-(으)ㄹ락 말락 한	들릴락 말락 한 소리
Thay bằng sự do dự	-(으)ㄹ까 말까 하다	갈까 말까 했어요

Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn với dạng rút gọn của ㄹ. Cách ghép cặp là cố định — động từ với ㄹ락, rồi 말다 với ㄹ락 — và thường theo sau là 하다.

Nó miêu tả một trạng thái ở ngưỡng sắp xảy ra: 손끝이 당을락 말락 했다 — đầu ngón tay gần như chạm vào nhau. Người quan sát đang nhìn một thứ chênh vênh.

So với -(으)ㄹ까 말까 하다, vốn nói về sự do dự của một người, dạng này nói về một ngưỡng vật lý hoặc cảm nhận. Không ai đang quyết định điều gì cả.

Trước danh từ, nó thành -(으)ㄹ락 말락 한: 들릴락 말락 한 소리.

Ví dụ trong câu

- 1

두 사람의 손끝이 당을락 말락 했다.
Đầu ngón tay họ gần như chạm vào nhau.
- 2

들릴락 말락 한 목소리로 무언가 중얼거렸다.
Anh ấy lầm bầm điều gì đó bằng giọng nhỏ đến mức gần như không nghe thấy.
- 3

해가 산 너머로 넘어갈락 말락 하고 있었다.
Mặt trời vừa sắp khuất sau núi.
- 4

눈물이 떨어질락 말락 눈가에 맺혔다.
Nước mắt đọng nơi khóe mắt cô ấy, chực trào ra.
- 5

모양이 겨우 만들어질락 말락 한 상태였다.
Hình dạng chỉ vừa mới bắt đầu giữ được.
- 6

잠이 들락 말락 할 때 전화가 울렸다.
Điện thoại reo đúng lúc tôi đang thiu thiu ngủ.

So sánh với

- (으)ㄹ까 말까 하다

Hình thức giống nhau, chủ đề khác nhau. -(으)ㄹ까 말까 là một người đang cân nhắc lựa chọn; -(으)ㄹ락 말락 là một thứ đang lơ lửng ở ngưỡng.
갈까 말까 했어요. (tôi không quyết định được) / 당을락 말락 했다. (gần như chạm vào)
- (으)ㄹ 뻔하다

뻔하다 kể lại một lần suýt nữa đã qua và thường đáng sợ; -(으)ㄹ락 말락 miêu tả chính sự lơ lửng, thường một cách bình thản.
떨어질 뻔했어요. (suýt ngã) / 떨어질락 말락 했다. (chực rơi xuống)

- (으)ㄹ 정도로

정도로 đo mức độ một điều đã đi xa đến đâu; -(으)ㄹ락 말락 đặt nó đúng tại ranh giới.
안 들릴 정도로 작았다. (nhỏ đến mức không nghe được) / 들릴락 말락 했다. (chỉ vừa nghe được)

Lưu ý

- X

모임에 갈락 말락 고민했어요.
- O

모임에 갈까 말까 고민했어요.
Cân nhắc một quyết định thì dùng -(으)ㄹ까 말까. -(으)ㄹ락 말락 miêu tả thứ đang lơ lửng ở ngưỡng.
- X

손끝이 당을락 했다.
- O

손끝이 당을락 말락 했다.
Cách ghép cặp là cố định. Chỉ một nửa thì không thành cách nói.
- X

들릴락 말락 소리로 말했다.
- O

들릴락 말락 한 소리로 말했다.
Trước danh từ, cụm này cần 한, vì nó đang đóng vai trò định ngữ.